

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 33/2018/TLST/HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L - Sinh năm 1997,
 - Bị đơn : Anh Lê Văn V - Sinh năm 1993,
- Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã D , huyện C, tỉnh Kon Tum.
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng A.

Địa chỉ: Tòa nhà 5, Bán đảo L , quận H , thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy H - Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng A huyện ĐăkTô.

Văn bản ủy quyền số: 01 ngày 04 tháng 01 năm 2019.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị L và anh Lê Văn V

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thị L và anh Lê Văn V thuận tình ly hôn.

*** Về con chung:** Có 02 con, tên Lê Thị Khánh An, sinh ngày 02/11/2014; Lê Bảo Khang, sinh ngày 19/6/2018. Giao cả hai con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành và tự lập được. Anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 5/2019 đến khi các con trưởng thành và tự lập được. Anh V có quyền đi lại thăm con mà không ai được ngăn cản.

Áp dụng điều 357, điều 468 Bộ luật dân sự: Đến thời hạn cấp dưỡng nuôi con nếu anh V không cấp dưỡng đủ số tiền nuôi con đã thỏa thuận và chị L có đơn yêu cầu thi hành án thì anh V còn phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng.

*** Tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Nợ chung:** Các đương sự tự thỏa thuận yêu cầu Tòa án ghi nhận như sau: Chị Trần Thị L có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ gốc 62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng) và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng A huyện Đắk Tô.

*** Án phí:** Áp dụng Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chị L và anh V mỗi người phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 75.000 đồng. Anh V phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ. Tổng số tiền án phí phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị L tự nguyện nộp thay toàn bộ tiền án phí cho anh V. Độc trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0003553 ngày 13/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Tô. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum,
- VKSND huyện Đắk Tô
- Chi cục THADS huyện ĐắkTô,
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn,
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Chu Thị Châu